

BẢNG QUY ĐỔI DẶM LẤY THƯỞNG VÉ MÁY BAY

Số dặm khấu trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng từ 01/06/2026

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Hạng Phổ thông	Hạng Phổ thông đặc biệt	Hạng Thương gia
Nội địa Việt Nam 1 ⁽¹⁾ (Chặng bay dưới 400 dặm)	Mùa thường	7.000	11.000	15.000
	Mùa cao điểm	10.000	15.000	18.000
Nội địa Việt Nam 2 ⁽²⁾ (Chặng bay từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	11.000	18.000	28.000
	Mùa cao điểm	15.000	23.000	33.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	12.000		23.000
	Mùa cao điểm	16.000		28.000
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	18.000		35.000
	Mùa cao điểm	24.000		42.000
Việt Nam – Indonesia/Malaysia/ Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	11.000		35.000
	Mùa cao điểm	20.000		42.000
Việt Nam – Trung Quốc/HongKong (Trung Quốc)/ Macao (Trung Quốc)/Đài Bắc/Đài Trung/Cao Hùng	Mùa thường	18.000		50.000
	Mùa cao điểm	24.000		60.000
Việt Nam – Hàn Quốc	Mùa thường	20.000		60.000
	Mùa cao điểm	30.000		72.000
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	35.000	65.000	90.000
	Mùa cao điểm	50.000	85.000	105.000
Việt Nam – Ấn Độ	Mùa thường	25.000	40.000	60.000
	Mùa cao điểm	35.000	50.000	75.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	40.000	80.000	150.000
	Mùa cao điểm	55.000	100.000	180.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	40.000	80.000	150.000
	Mùa cao điểm	50.000	100.000	180.000
Việt Nam – Anh/Pháp/Đức/Ý/Đan Mạch/Hà Lan	Mùa thường	45.000	85.000	160.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	200.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	55.000	110.000	250.000
	Mùa cao điểm	70.000	150.000	300.000
Đài Bắc – Mỹ/Canada	Mùa thường	55.000		
	Mùa cao điểm	65.000		

(1) Nhóm nội địa Việt Nam 1 bao gồm các chặng bay có khoảng cách dưới 400 dặm:

- Chặng bay giữa Hà Nội và Điện Biên / Đà Nẵng / Đồng Hới / Huế / Vinh...
- Chặng bay giữa TP. Hồ Chí Minh và Buôn Ma Thuột / Chu Lai / Côn Đảo / Đà Nẵng / Đà Lạt / Huế / Nha Trang / Pleiku / Phú Quốc / Rạch Giá / Quy Nhơn / Tuy Hòa...
- Chặng bay giữa Đà Nẵng và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Hải Phòng / Nha Trang / Pleiku / Thanh Hóa / Vinh / Vân Đồn...
- Chặng bay giữa Đà Lạt và Cần Thơ / Huế / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Buôn Ma Thuột và Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Cần Thơ và Buôn Ma Thuột / Côn Đảo / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Hải Phòng và Điện Biên...
- Chặng bay giữa Nha Trang và Phú Quốc...

(2) Nhóm nội địa Việt Nam 2 bao gồm các chặng bay có khoảng cách từ 400 dặm trở lên:

- Chặng bay giữa Hà Nội và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Chu Lai / Cần Thơ / TP. Hồ Chí Minh / Nha Trang / Pleiku / Phú Quốc / Quy Nhơn / Tuy Hòa...
- Chặng bay giữa TP. Hồ Chí Minh và Đồng Hới / Hải Phòng / Thanh Hóa / Vinh / Vân Đồn / Điện Biên...
- Chặng bay giữa Hải Phòng và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Cần Thơ / Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Đà Nẵng và Cần Thơ / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Thanh Hóa và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Vinh và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Cần Thơ / Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Huế và Phú Quốc...

Số dặm khấu trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng trước 01/06/2026

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Hạng Phổ thông	Hạng Phổ thông đặc biệt	Hạng Thương gia
Nội địa Việt Nam 1 ⁽¹⁾ (Chặng bay dưới 400 dặm)	Mùa thường	7.000	11.000	15.000
	Mùa cao điểm	10.000	15.000	18.000
Nội địa Việt Nam 2 ⁽²⁾ (Chặng bay từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	11.000	18.000	28.000
	Mùa cao điểm	15.000	23.000	33.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	12.000		23.000
	Mùa cao điểm	16.000		28.000
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	18.000		35.000
	Mùa cao điểm	24.000		42.000
Việt Nam – Indonesia/Malaysia/ Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	11.000		35.000
	Mùa cao điểm	20.000		42.000
Việt Nam – Trung Quốc/HongKong (Trung Quốc)/ Macao (Trung Quốc)/Đài Bắc/Đài Trung/Cao Hùng	Mùa thường	18.000		45.000
	Mùa cao điểm	24.000		54.000
Việt Nam – Hàn Quốc	Mùa thường	20.000		60.000
	Mùa cao điểm	30.000		72.000

Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	35.000	65.000	90.000
	Mùa cao điểm	50.000	85.000	105.000
Việt Nam – Ấn Độ	Mùa thường	25.000	40.000	60.000
	Mùa cao điểm	35.000	50.000	75.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	55.000	90.000	140.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	50.000	100.000	160.000
Việt Nam – Anh/Pháp/Đức/Ý/Đan Mạch/Hà Lan	Mùa thường	45.000	85.000	160.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	200.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	55.000	110.000	200.000
	Mùa cao điểm	70.000	150.000	240.000
Đài Bắc – Mỹ/Canada	Mùa thường	55.000		
	Mùa cao điểm	65.000		